

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 3 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T.

Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T1.

Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2018 và lời trình bày tại phiên tòa của chị Trương Thị T thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện chung sống vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến cự cãi với nhau, anh T1 không quan tâm chăm sóc gia đình; mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi nên đã ly thân cách nay hơn 03 tháng. Nay chị xác định giữa vợ, chồng không còn tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Gồm Nguyễn Thùy T2 và Nguyễn Song P. Hiện nay, Thùy T2 đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự còn Song P do anh T1 đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, giữa chị và anh T1 sẽ thỏa thuận việc nuôi Song P và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có.

** Tại văn bản thể hiện ý kiến ghi ngày 08 tháng 3 năm 2018 và lời trình bày tại phiên tòa của anh Nguyễn Minh T1 thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn không như chị T trình bày mà do chị T hay tổ chức ăn nhậu, mặc dù đã được anh khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị T không khắc phục, sửa chữa, từ đó xảy ra mâu thuẫn và ly thân với nhau. Nay anh có thiện chí để chị T quay lại hàn gắn nhưng do chị T cương quyết yêu cầu ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Như chị T trình bày, Hiện nay, Thùy T2 đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự còn Song P do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn giữa anh và chị T tự thỏa thuận việc nuôi Song P và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu cháu muốn ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Minh T1 tự nguyện chung sống vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn, theo chị T: Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn và cự cãi với nhau, anh T1 không quan tâm chăm sóc gia đình; mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi nên anh, chị đã ly thân với nhau cách nay hơn 03 tháng. Anh T1 không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị T đặt ra, nguyên nhân là do chị T hay ăn nhậu và đã được anh khuyên nhủ nhiều lần nhưng không khắc phục từ đó xảy ra mâu thuẫn và ly thân với nhau.

Với nguyên nhân trên, chị T thấy rằng tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 có thiện chí để chị T quay lại hàn gắn nhưng do chị T cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau, thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều

53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Gồm Nguyễn Thùy T2 và Nguyễn Song P. Hiện nay, Thùy T2 đã trưởng thành còn Song P do anh T1 đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, giữa chị T và anh T1 tự thỏa thuận việc nuôi Song P và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản và nợ: Do các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Minh T1.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009582 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn